

## **Tài khoản 158 - Hàng hóa kho bảo thuế**

### **1. Nguyên tắc kế toán**

a) Tài khoản này dùng để phản ánh sự biến động tăng, giảm và số hiện có của hàng hóa đưa vào Kho bảo thuế. Kho bảo thuế chỉ áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, được áp dụng chế độ quản lý hải quan đặc biệt, theo đó nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp được đưa vào lưu giữ tại Kho bảo thuế chưa phải tính và nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế liên quan khác.

b) Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm lưu giữ tại Kho bảo thuế chỉ bao gồm nguyên liệu, vật tư dùng để cung ứng cho sản xuất và sản phẩm sản xuất ra của chính doanh nghiệp đó.

c) Doanh nghiệp phải mở sổ chi tiết để phản ánh số lượng và giá trị của từng thứ nguyên liệu, vật tư và hàng hóa theo từng lần nhập, xuất kho.

### **2. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 158 - Hàng hóa kho bảo thuế**

**Bên Nợ:** Trị giá nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng hóa nhập Kho bảo thuế trong kỳ.

**Bên Có:** Trị giá nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng hóa xuất Kho bảo thuế trong kỳ.

**Số dư bên Nợ:** Trị giá nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng hóa còn lại cuối kỳ tại Kho bảo thuế.

### **3. Phương pháp kế toán một số giao dịch kinh tế chủ yếu**

a) Khi nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, hoặc gia công hàng xuất khẩu nếu được đưa vào Kho bảo thuế thì doanh nghiệp chưa phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

b) Khi xuất nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu ở Kho bảo thuế ra để sản xuất sản phẩm, hoặc gia công hàng xuất khẩu, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Có TK 158 - Hàng hóa kho bảo thuế.

c) Khi xuất kho thành phẩm hoặc hàng hóa xuất khẩu, hàng gia công xuất khẩu đưa vào Kho bảo thuế (nếu có), ghi:

Nợ TK 158 - Hàng hóa kho bảo thuế

Có các TK 156, 155,...

d) Khi xuất khẩu hàng hóa của Kho bảo thuế (nếu có):

- Phản ánh giá vốn của hàng hóa xuất khẩu thuộc Kho bảo thuế, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.

- Phản ánh doanh thu của hàng hóa xuất khẩu thuộc Kho bảo thuế, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

đ) Nếu tỷ lệ xuất khẩu thấp hơn tỷ lệ được bảo thuế tại doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu có) cho phần chênh lệch giữa số lượng sản phẩm phải xuất khẩu và số lượng sản phẩm thực tế xuất khẩu doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu có):

- Khi xác định thuế nhập khẩu phải nộp (nếu có), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3333).

- Khi xác định thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có), ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).

- Khi thực nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu có), ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3333, 33312)

Có các TK 111, 112,....

e) Trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bán hàng hóa thuộc Kho bảo thuế tại thị trường Việt Nam, doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo quy định.

- Khi được phép sử dụng hàng hóa thuộc Kho bảo thuế, doanh nghiệp phải làm thủ tục xuất hàng hóa ra khỏi Kho bảo thuế, nhập lại kho sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp và nộp thuế đối với số hàng hóa này, ghi:

Nợ các TK 155, 156

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.

- Khi xác định thuế nhập khẩu phải nộp (nếu có), ghi:

Nợ các TK 155, 156

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3333).

- Khi xác định thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có), ghi:

Nợ các TK 155, 156 (nếu không được khấu trừ)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).

- Khi thực nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312, 3333)

Có các TK 111, 112,....

g) Trường hợp xuất bán hàng hóa lưu giữ tại kho bảo thuế tại thị trường nội địa:

- Phản ánh trị giá vốn của hàng hóa Kho bảo thuế xuất bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.

Đồng thời, kế toán phải xác định và ghi nhận số thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu của số sản phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu này.

- Phản ánh doanh thu của số hàng hóa kho bảo thuế xuất bán tại thị trường nội địa, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311).

h) Trường hợp vật liệu, hàng hóa đưa vào Kho bảo thuế, nếu bị hư hỏng, kém mất phẩm chất không đáp ứng yêu cầu xuất khẩu thì phải tái nhập khẩu, hoặc tiêu hủy:

- Trường hợp tái nhập khẩu, ghi:

Nợ các TK 155, 156,....

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.

- Đồng thời, phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp của số hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu này, xác định số thuế phải nộp ghi như bút toán (e); Khi thực nộp thuế, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312, 3333)

Có các TK 111, 112,....

- Trường hợp tái xuất khẩu (trả lại cho người bán), ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.

- Trường hợp tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu lưu giữ tại Kho bảo thuế, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (hàng hóa, nguyên vật liệu bị tiêu hủy)

Có TK 158 - Hàng hóa Kho bảo thuế.